

Số: /GPMT-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 01 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 23/7/2025 của UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam tại Văn bản số 2008/FLD-GPMT ngày 20/8/2025 và Văn bản số 26.12/FLD-GPMT ngày 26/12/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 856/TTr-SNNMT ngày 30/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam, địa chỉ tại lô CN7, Khu công nghiệp Diềm Thụy (Khu A), phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam tại lô CN7, Khu công nghiệp Diềm Thụy (Khu A), phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN7, Khu công nghiệp Diêm Thụy (Khu A), phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH thương mại TGHP Việt Nam).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 4601345542 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên (nay là Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên) cấp đăng ký lần đầu ngày 26/7/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 20/6/2022; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 5441242778 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên chứng nhận lần đầu ngày 7/7/2017, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 4 ngày 22/7/2024.

1.4. Mã số thuế: 4601345542.

1.5. Loại hình sản xuất

- Sản xuất các dụng cụ kim loại chưa được phân vào đâu:

Chi tiết: Sản xuất, gia công dụng cụ cắt gọt kim loại dùng để sản xuất linh kiện của điện thoại di động (mã ngành VSIC 2599).

- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (mã ngành VSIC 2592).

- Nghiên cứu và phát triển dụng cụ kim loại (mã ngành VSIC 7212).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích: 1.850m² (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH thương mại TGHP Việt Nam tại Hợp đồng số FLDHDTNX2024 ngày 15/7/2024 và Phụ lục hợp đồng số FLDHDTNX/PLHD ngày 15/7/2025; thời hạn thuê nhà xưởng đến hết ngày 01 tháng 8 năm 2034).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí tương đương dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất: 3.000.000 sản phẩm/năm.

- Tóm tắt quy trình sản xuất của cơ sở: Nguyên liệu (thanh hợp kim Vonfram) → Kiểm tra → Máy CNC cắt nguyên liệu → Kiểm soát chất lượng → Máy rửa sóng siêu âm (một số loại sản phẩm sau rửa được hàn bổ sung chi tiết) → Máy CNC thô (máy Kunjun) → Kiểm soát chất lượng → Máy CNC tinh → Kiểm soát chất lượng → Máy rửa sóng siêu âm → Máy laser (khắc thông tin sản phẩm) → Kiểm tra sản phẩm → Đóng gói → Xuất hàng.

Một số loại sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng, sau quá trình khắc thông tin sản phẩm trên máy laser → Máy tạo nhám → Máy rửa tự động → Máy phủ PVD → Kiểm tra sản phẩm → Đóng gói → Xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép.

Điều 3. Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 01 tháng 8 năm 2034.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên, UBND phường Phổ Yên và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh Thái Nguyên;
- UBND phường Phổ Yên;
- Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Manhpn/01/26_MC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam Lô CN7, Khu công nghiệp (KCN) Diêm Thụy (khu A) không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường do nước thải sau khi xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải (XLNT) tập trung của KCN Diêm Thụy (Khu A), không xả ra môi trường, cụ thể là:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh sau khi xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại với tổng dung tích 25m³ tiếp tục xử lý tại 01 trạm XLNT sinh hoạt, công suất 5m³/ngày. Nước thải sau xử lý được đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Diêm Thụy. Toạ độ vị trí đầu nối hố ga G131 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106⁰30', múi chiều 3⁰) gồm: X = 2373926; Y = 436279).

- Nước thải từ hệ thống lọc nước EDI được thu vào 01 bồn chứa 200 lít bằng nhựa để tái sử dụng cho các mục đích trong nhà máy, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất từ máy rửa tự động được thu gom vào 01 bồn chứa 5.000 lít (bồn nhựa PE); định kỳ 03-06 tháng hoặc khi đầy sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định quản lý chất thải nguy hại.

- Nước thải sản xuất từ máy rửa sóng siêu âm được thu gom vào thùng nhựa 50 lít sau đó chuyển vào bồn chứa 5.000 lít chứa nước thải sản xuất từ máy rửa tự động; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định quản lý chất thải nguy hại.

Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam đã ký hợp đồng dịch vụ thoát nước và XLNT số 07/HĐXLNT-TTĐV ngày 14/7/2025 với Trung tâm dịch vụ KCN Thái Nguyên. Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam phải thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại mục B Phụ lục này.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt

- Tuyến đường ống nhựa D75 với tổng chiều dài khoảng 20m thu gom nước thải đen từ 02 nhà vệ sinh về 02 bể tự hoại (01 bể tại khu vực nhà xưởng 01; 01 bể tại khu vực nhà xưởng 02).

- Tuyến đường ống nhựa D200, dài 200m thu gom nước thải từ 02 bể tự hoại và nước thải xám về trạm XLNT sinh hoạt, công suất 5m³/ngày.

- Tuyến đường ống nhựa D75 với tổng chiều dài 50m thu gom nước thải xám từ 02 nhà vệ sinh đầu nối vào đường ống nhựa D200 dẫn nước thải từ bể tự hoại về trạm XLNT sinh hoạt.

- Tuyến đường ống nhựa D200, dài 20m dẫn nước thải sau xử lý tại trạm XLNT đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của KCN Diêm Thụy (Khu A) tại hố ga G131. Toạ độ vị trí đầu nối hố ga G131 (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 106⁰30', múi chiều 3⁰) gồm: X = 2373926; Y = 436279.

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất

- Mạng lưới thu gom nước thải từ máy rửa tự động được chứa vào 07 bể chứa kèm theo máy rửa tự động, định kỳ 01 tháng/lần bơm xả vào đường ống nhựa D75, dài 10m dẫn nước thải về bồn chứa 5.000 lít; định kỳ 03-06 tháng hoặc khi bồn chứa 5.000 lít đầy hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo quy định.

- Nước thải sản xuất từ máy rửa sóng siêu âm được thu gom vào thùng nhựa 50 lít sau đó chuyển vào bồn chứa 5.000 lít chứa nước thải sản xuất từ máy rửa tự động; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định quản lý chất thải nguy hại.

1.1.3. Mạng lưới thu gom nước thải từ hệ thống lọc nước EDI

Nước thải từ hệ thống lọc nước EDI được thu vào 01 bồn chứa nước 200 lít bằng nhựa để tái sử dụng cho các mục đích trong nhà máy, không xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung

- Công trình xử lý sơ bộ: Gồm 02 bể tự hoại, trong đó 01 bể tại nhà xưởng 01 có thể tích 15m³; 01 bể tại nhà xưởng 02 có thể tích 10m³.

- Trạm XLNT sinh hoạt công suất 5m³/ngày:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại → Hố gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí có giá thể MBBR → Bể lắng → Bể khử trùng → Hố ga G131 thuộc hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Diêm Thụy (Khu A). Bố trí 01 bể chứa bùn dung tích 1,2m³, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

Máy móc, thiết bị trạm XLNT công suất 5m³/ngày được bố trí hoạt động luân phiên, đảm bảo vận hành hành luân phiên liên tục trạm XLNT gồm:

TT	Tên công trình	Thông số kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Hóa chất
1	Bể gom	- Thể tích: 0,5m ³ ; - Kích thước: (0,6x0,6x1,4)m	02 bơm nước thải 1-2m ³ /giờ/máy (0,15kW)	
2	Bể điều hòa	- Thể tích: 3,25m ³ ; Kích thước: (1,6x1,2x1,7)m	02 bơm nước thải 1-2m ³ /giờ/máy (0,15kW)	
3	Bể thiếu khí	- Thể tích: 2,3m ³ ; - Kích thước: (1,05x1,3x1,7)m	01 bơm khuấy trộn 2-4m ³ /giờ (0,4kW)	Methanol: 1.920 lít/năm
4	Bể hiếu khí	- Thể tích: 3,25m ³ ; - Kích thước: (1,6x1,2x1,7)m;	- 02 máy thổi khí cạn 2-145m ³ /giờ/máy (1,1kW); - 01 hệ thống đĩa thổi khí tinh 2-8m ³ /giờ; - Giá thể vi sinh MBBR diện tích tiếp xúc 180- 200m ² /m ³ ; - 02 bơm tuần hoàn 1-2m ³ /giờ/máy (0,15kW)	
5	Bể lắng sinh học	- Thể tích: 20m ³ ; - Kích thước: (1,1x1,1x1,7)m	01 bơm bùn 1-2m ³ /giờ/máy (0,15kW)	
6	Bể khử trùng	- Thể tích: 0,9m ³ ; - Kích thước: (1,1x0,5x1,7)m	- 01 bồn hóa chất 120 lít; - 01 bơm định lượng 60 lít/giờ (công suất 20W)	Chlorine: 45kg/năm
7	Bể chứa bùn	- Thể tích: 1,2m ³ ; - Kích thước: (1,3x0,55x1,7)m		
8	Hệ thống điện điều khiển		Tủ điều khiển trạm XLNT	

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 và Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Nguy cơ sự cố đối với trạm XLNT

Hỏng máy bơm, máy thổi khí; rò rỉ, tắc đường ống nước thải,...

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Đối với sự cố hỏng thiết bị trạm XLNT: Bố trí máy móc, thiết bị của trạm XLNT công suất $5\text{m}^3/\text{ngày}$ hoạt động luân phiên, đảm bảo vận hành thường xuyên liên tục trạm XLNT; tuân thủ quy trình vận hành và bảo dưỡng máy móc, thiết bị; thường xuyên theo dõi hoạt động của máy móc, thiết bị để kịp thời phòng ngừa, phát hiện, sửa chữa sự cố hỏng hóc; tập huấn cho công nhân vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống thu gom nước thải kịp thời phát hiện các nguy cơ sự cố rò rỉ, tắc đường ống để khắc phục, xử lý.

1.4.3. Biện pháp ứng phó sự cố

- Đối với sự cố hỏng thiết bị trạm XLNT: Vận hành luân phiên máy móc, thiết bị của trạm XLNT; kịp thời sửa chữa, thay thế các thiết bị bị sự cố, hư hỏng đảm bảo luôn có thiết bị dự phòng, hoạt động luân phiên.

- Đối với sự cố tắc, rò rỉ đường ống: Thực hiện thông tắc các đường ống bị tắc đảm bảo nước thải được dẫn về trạm XLNT; thay thế ngay các đoạn đường ống bị rò rỉ để đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải phát sinh về trạm XLNT.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày thông báo vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất $5\text{m}^3/\text{ngày}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Trạm XLNT sinh hoạt công suất $5\text{m}^3/\text{ngày}$: Mẫu nước thải đầu vào và mẫu nước thải đầu ra tại trạm XLNT.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam thực hiện quan trắc, giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của trạm XLNT công suất $5\text{m}^3/\text{ngày}$ theo giá trị giới hạn cho phép đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn đầu nổi nước thải vào hệ thống XLNT của KCN Diêm Thủy (Khu A) theo quy định tại Hợp đồng số 07/HĐXLNT-TTĐV ngày 14/7/2025 với Trung tâm dịch vụ KCN Thái Nguyên.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm trạm XLNT công suất $5\text{m}^3/\text{ngày}$ theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường, đảm bảo phải thực hiện quan trắc nước thải ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định trạm XLNT (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của nhà máy đảm bảo nước thải sau xử lý đáp ứng tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, XLNT của KCN Điềm Thụy (Khu A). Tuyệt đối không được lấp đặt, đầu nối các đường ống xả nước thải chưa được xử lý vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của KCN Điềm Thụy (Khu A).

3.2. Điểm xả nước thải phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; bố trí thiết bị dự phòng để thay thế khi thiết bị chính bị hỏng, bảo đảm trạm XLNT hoạt động ổn định.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải theo quy định.

3.5. Giám sát thường xuyên hiệu quả xử lý trạm XLNT công suất 5m³/ngày đảm bảo nước thải sau xử lý đáp ứng tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, XLNT của KCN Điềm Thụy (Khu A); kịp thời báo cáo với Trung tâm dịch vụ KCN Thái Nguyên khi trạm XLNT gặp sự cố để phối hợp xử lý.

3.6. Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung về thoát nước và XLNT với Trung tâm dịch vụ KCN Thái Nguyên theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước và XLNT số 07/HĐXLNT-TTĐV ngày 14/7/2025.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Hoạt động sản xuất của cơ sở phát sinh 01 nguồn bụi, khí thải phát sinh từ 32 máy CNC tinh (18 máy hiện có và 14 máy sẽ lắp đặt bổ sung để nâng công suất sản xuất); 05 máy CNC thô (máy Kunjun) và 01 máy CNC Fanuc.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 106°30, múi chiều 3°:

- Vị trí: 01 dòng thải là dòng khí thải sau xử lý tại ống thải của hệ thống xử lý khí thải. Toạ độ vị trí xả thải: X = 2373886; Y = 436279.

- Vị trí xả thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam tại lô CN7, KCN Diềm Thụy (Khu A), phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 20.000m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Bụi, khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục trong 16 giờ (trong 02 ca sản xuất).

2.2.2. Chất lượng khí thải

Dòng khí thải trước khi xả vào môi trường được xử lý bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT (Cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 19:2024/BTNMT	Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluen, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat)	mg/Nm ³	≤ 80	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Bụi PM	mg/Nm ³	≤ 50		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Hơi khí thải phát sinh từ 38 máy CNC các loại được thu vào các thiết bị xử lý hơi dầu lắp đặt đồng bộ với các máy CNC → Các đường ống nhánh D150, mỗi ống nhánh dài 3m → Đường ống dẫn (gồm ống D200, D250, D300, D450, D500 với tổng chiều dài khoảng 125m → Hệ thống xử lý.

1.2. Hệ thống xử lý khí thải để xử lý

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải phát sinh → Thiết bị xử lý hơi dầu lắp đặt đồng bộ với các máy CNC → Ống nhánh → Đường ống dẫn khí → Thiết bị xử lý hơi dầu tổng thể → Tháp hấp phụ [kích thước (1,4x1,2x2,1)m; bố trí 02 lớp than hoạt tính, kích thước mỗi lớp than (1,4x1,2x0,22)m đảm bảo toàn bộ dòng khí thải phải đi qua lớp than hoạt tính; khối lượng than trong hệ thống khoảng 300kg → Quạt hút lưu lượng 20.00m³/giờ (18kW) → Ống thoát khí D500, cao 5m.

- Công suất thiết kế: 20.000m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng/năm: Khoảng 3.600kg than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 và Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Nguy cơ sự cố

Sự cố hệ thống xử lý khí thải chủ yếu là sự cố quạt hút, đường ống rò rỉ, than hoạt tính bị bão hòa không đảm bảo hiệu quả xử lý...

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa

- Tuân thủ quy trình vận hành các hệ thống xử lý khí thải, tập huấn cho công nhân vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó với sự cố; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải; bố trí máy móc thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi xảy ra sự cố.

- Định kỳ đo chỉ số iod của than hoạt tính trong tháp hấp phụ của hệ thống xử lý khí thải, khi chỉ số iod của than hoạt tính < 400mg/g thay thế than hoạt tính để đảm bảo hiệu quả xử lý.

1.4.3. Biện pháp ứng phó sự cố

Khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý khí thải, đường ống rò rỉ sẽ tạm dừng hoạt động các máy móc, thiết bị sản xuất tương ứng; thay thế, sửa chữa thiết bị trong hệ thống xử lý khí thải trước khi vận hành trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong thời hạn không quá 06 tháng tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải, công suất 20.000m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Tại ống thoát khí thải của các hệ thống xử lý khí thải, công suất 20.000m³/giờ, tọa độ X = 2373886; Y = 436279.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam thực hiện quan trắc, giám sát các chất ô nhiễm và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý bụi, khí thải (03 mẫu khí thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Công ty bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, đảm bảo ghi chép đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.3. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sàn thao tác bảo đảm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên, liên tục hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải. Bố trí thiết bị dự phòng để thay thế khi thiết bị chính bị hỏng, bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định. Định kỳ đo chỉ số iod của than hoạt tính trong tháp hấp phụ của hệ thống xử lý khí thải, khi chỉ số iod của than hoạt tính < 400mg/g phải thay thế than hoạt tính để đảm bảo hiệu quả xử lý.

3.5. Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Gồm 04 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

TT	Nguồn phát sinh	Vị trí phát sinh
1	Nguồn số 01	Máy nén khí
2	Nguồn số 02	Máy phát điện dự phòng
3	Nguồn số 03	Máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải
4	Nguồn số 04	Quạt hút của hệ thống xử lý khí thải

2. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)
Khu vực E	70	65	60

- Độ rung:

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00~ trước 06:00)
Khu vực D	75	70

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên
Phát sinh khoảng 3.955kg/năm, thành phần chủ yếu gồm:

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	18 02 01	55
2	Dung dịch nước tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	07 01 06	175
3	Bùn thải nghiền, mài có dầu (bùn thải từ quá trình CNC)	Bùn	07 03 09	125
4	Than hoạt tính thải bỏ	Rắn	12 01 04	3.600
Tổng				3.955

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Phát sinh khoảng 5kg/ngày, thành phần chủ yếu là các loại chai lọ, đồ hộp, túi nilon, giấy vụn, thức ăn thừa và khoảng 2,5m³ bùn bể tự hoại/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Trang bị các thùng chứa đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã chất thải nguy hại, kí hiệu và tên từng loại chất thải nguy hại...).

- Kho lưu chứa: Bố trí 01 kho lưu chứa các chất thải nguy hại diện tích 16m². Kho được thiết kế, cấu tạo đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định...).

- Bố trí 01 bồn chứa 5.000 lít (bồn nhựa PE) để chứa nước thải từ máy rửa tự động và máy rửa sóng siêu âm; định kỳ 3-6 tháng hoặc khi đầy hợp đồng với đơn vị thu gom, xử lý theo chất thải nguy hại đúng quy định.

- Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam có trách nhiệm hợp đồng với đơn vị có chức năng, đủ năng lực để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị các thùng rác bằng nhựa dung tích từ 20 lít, 25 lít đặt tại các vị trí trong nhà máy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt.
- Bố trí 01 khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 6m². Kho được thiết kế xung quanh quây tôn, nền bê tông theo quy định, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào trong kho chứa.
- Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng và ban hành kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải, Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố chất thải được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; thực hiện công khai kế hoạch ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa, chuẩn bị ứng phó, tổ chức ứng phó và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy, chữa cháy, lắp đặt đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

4. Chịu trách nhiệm xử lý triệt để các vấn đề ô nhiễm môi trường sau khi xảy ra sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố chất thải và các sự cố khác (nếu có).

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

A. YÊU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. CÁC YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện công khai giấy phép môi trường quy định của pháp luật.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

3. Tự chịu trách nhiệm đối với nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của chủ đầu tư quy định tại mục 7, mục 8 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo quy định.

5. Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan.

6. Tổ chức thực hiện, tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp; trước khi hết thời hạn giấy phép 06 tháng, phải lập hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép theo quy định tại mục 6 khoản 12 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Báo cáo, phối hợp với Công ty TNHH thương mại TGHP Việt Nam hoàn thành các hồ sơ, thủ tục liên quan theo quy định pháp luật, đảm bảo đáp ứng đầy đủ quy định về điều kiện cho thuê nhà xưởng; đảm bảo diện tích cây xanh trong nhà máy đáp ứng về diện tích cây xanh theo QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng.

8. Công ty TNHH Fullandi Tools Việt Nam hoàn toàn chịu trách nhiệm đảm bảo tuyệt đối không để xảy ra các sự cố chất thải trong quá trình hoạt động.

9. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.